

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 11 - 2021

“*V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Trần Ngọc Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXX-ST ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lý Thị Ánh T, sinh năm 1993. Địa chỉ liên hệ: Khu Dân cư S, phường A, Tp. T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Trần Quốc Đ, sinh năm 1985, địa chỉ: Đường K, khu phố N, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Lý Thị Ánh T trình bày: Nguyên đơn kết hôn với bị đơn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Trong khoảng thời gian chung sống thì vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng, đôi lúc chồng chị có những hành vi bạo lực nhưng vì con nhỏ, vì hạnh phúc gia đình nên chị cố gắng chịu đựng và bỏ qua.

Đến tháng 10/2019, ở Phú Yên chị T không tìm được việc làm phù hợp nên vào Bình Dương tìm việc và dự định chồng sẽ vào sau. Nhưng chồng và con không vào mà ở với cha mẹ ruột của chị, làm nghề sơn nước, làm thêm ruộng và lo cho con. Nhưng anh Đ không lo làm ăn mà lại nghiện chơi điện tử, bỏ bê con cái. Các chi phí cho con đều do chị gửi về, thêm cha ruột chị T phụ giúp.

Sau đó, chồng chị không cho chị làm việc ở Bình Dương nên chị nghỉ việc và ở quê, gần chồng con nhưng cuộc sống vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ kinh tế gia đình và sự không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khoảng tháng 3/2020, hai vợ chồng ly thân, chị T dẫn con gái Trần R vào Bình Dương. Nhưng anh Đ không có sự thay đổi, yêu thương vợ con, không có sự cải thiện chăm lo cuộc sống gia đình. Theo chị, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai, đời sống vợ chồng không được duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung Trần R, sinh năm 2015 hiện đang do nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để chị nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng một tháng cho đến khi cháu R trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng: Nguyên đơn hiện nay cư trú tại tỉnh Bình Dương. Do ở xa, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp không có điều kiện đi lại để tham gia phiên họp, phiên tòa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***Bị đơn Trần Quốc Đ trình bày:** Anh Đ đã nhận được Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, do đợt dịch Covid-19 nên anh không thể đến Tòa trình bày ý kiến.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ kết hôn với chị T vào năm 2015 tại UBND phường M, thành phố T, hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Cuộc sống ban đầu chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Trần R, sinh năm 2015. Trong khoảng thời gian chung sống thì đôi lúc vợ chồng cũng mâu thuẫn, to tiếng. Bản thân anh chưa bao giờ dùng bạo lực với vợ con, lại không rượu chè, cờ bạc. Từ tháng 02 năm 2020 đến nay, cô T ở trong Bình Dương, không về nên vợ chồng cũng không gặp nhau, coi như là đã ly thân. Anh vẫn còn thương vợ, thương con, vẫn gọi điện hỏi thăm nhưng chị T không trực tiếp nghe, nói chuyện, anh chỉ nói chuyện được với con. Chị T không còn tình cảm vợ chồng, không chịu hàn gắn hạnh phúc gia đình với anh nên anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con gái chung tên Trần R, sinh năm 2015. Hiện nay, cháu đang do chị T nuôi dưỡng và chăm sóc. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao con cho mẹ nuôi và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu R trưởng thành. Do anh làm thợ sơn nên công việc không ổn định, thu nhập cũng không cao nên anh chỉ có khả năng cấp dưỡng là 1.000.000 đồng mỗi tháng. Nếu anh làm thu nhập cao hơn thì anh sẽ chu cấp cho con nhiều hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa: Do công việc bận hay đi làm vắng nhà, không thể tham gia tố tụng tại Tòa nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, những gì anh đã trình bày ý kiến, không thay đổi.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Trần R cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không có nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lý Thị Ánh T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Trần Quốc Đ có địa chỉ thường trú tại Đường K, khu phố N, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lý Thị Ánh T, bị đơn Trần Quốc Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chấp nhận ly hôn, cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lý Thị Ánh T và bị đơn Trần Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015 ngày 19/01/2015. Hôn nhân của chị T và anh Đ đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ kinh tế gia đình và sự không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nguyên đơn với con gái Trần R vào Bình Dương sinh sống từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Nguyên đơn cho rằng trong thời gian chung sống từ năm 2016 và cả thời gian ly thân

không nhận được sự quan tâm, chăm sóc và sự cố gắng thay đổi tích cực của bị đơn để có thể quay lại và tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Bị đơn Đ cho rằng mình còn thương vợ con nhưng nguyên đơn không chịu gặp mặt, không nói chuyện được với nhau, không quan tâm đến nhau, anh Đ cũng không vào tận nơi mẹ con chị T ở để gặp mặt, nói chuyện, quan tâm và xem cuộc sống của vợ con ra sao. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không có sự quan tâm, chia sẻ cuộc sống chung của vợ chồng, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, không cùng nhau gánh vác công việc gia đình và trách nhiệm chăm sóc con. Các bên đương sự không còn tình thương và trách nhiệm của vợ chồng giành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung Trần R, sinh ngày 01/11/2015, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét hiện nay nguyên đơn Lý Thị Ánh T đang trực tiếp chăm sóc con chung Trần R, đã ổn định về điều kiện sống, sinh hoạt, học tập. Nguyên đơn có thu nhập ổn định, đủ khả năng tài chính nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con chung và phù hợp với thực tế, Hội đồng xét xử xét giao cháu Trần R cho nguyên đơn Lý Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục cháu Trần R và thu nhập thực tế của bị đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí liên quan đến cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26, điểm a khoản 5, điểm đ, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lý Thị Ánh T được ly hôn với bị đơn Trần Quốc Đ.

2. *Về con chung*: Giao con chung Trần R, sinh ngày 01/11/2015 cho nguyên đơn Lý Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Trần Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử vụ án cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về án phí HNGD-ST*: Nguyên đơn Lý Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004595 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Bị đơn Trần Quốc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến cấp dưỡng nuôi con.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND Phường M, TP. T (số 04/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên